

Số: /BC-UBND

Vĩnh Thủy, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Sơ kết 01 năm thực hiện Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 09-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Thực hiện Kế hoạch 3065/KH-UBND ngày 24/6/2026 của UBND Tỉnh Quảng Trị về việc tổ chức sơ kết 01 năm thực hiện Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 09-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. UBND xã Vĩnh Thủy báo cáo sơ kết 01 năm thực hiện cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành toàn diện hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số:

Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh Đảng ủy, HĐND, UBND xã Vĩnh Thủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và Nhân dân trên địa bàn; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính và chuyển đổi số của địa phương.

Thực hiện Kế hoạch số 09-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy xã Vĩnh Thủy đã ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết 57-NQ/TW gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 trên địa bàn. Đồng thời kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, từng bộ phận chuyên môn, bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm và rõ thời gian hoàn thành.

- Triển khai thực hiện quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo xây dựng, ban hành và triển khai chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ liên quan;

Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã Vĩnh Thủy đã phát huy vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trên địa bàn. Với phương châm "rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả", người đứng đầu trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, cán bộ phụ trách; đồng thời thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên thông qua các cuộc kiểm tra, rà soát tiến độ thực hiện nhiệm vụ tại các thôn, các bộ phận chuyên môn và các tổ chức đoàn thể. Người đứng đầu trực tiếp kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu về định danh điện tử, dịch vụ công trực tuyến, cài đặt và sử dụng ứng dụng Công dân số QUANGTRI-S, tích hợp giấy tờ trên VNeID, thực hiện phong trào Bình dân học vụ số và các nhiệm vụ trọng tâm khác.

- *Đánh giá chung:* Hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số từng bước được quan tâm đầu tư; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền ngày càng hiệu quả. Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số có nhiều chuyển biến tích cực. Các tổ công nghệ số cộng đồng, lực lượng đoàn viên thanh niên, công an xã và các tổ chức đoàn thể đã phát huy vai trò nòng cốt trong tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số.

Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như: nhận thức về chuyển đổi số của một bộ phận người dân chưa đồng đều; kỹ năng số của một số cán bộ và người dân còn hạn chế; nguồn lực đầu tư cho hạ tầng số và trang thiết bị công nghệ thông tin còn khó khăn; tỷ lệ người dân chủ động sử dụng các nền tảng số chưa cao; một số chỉ tiêu, nhiệm vụ triển khai còn chậm so với yêu cầu đề ra.

Nhìn chung, việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã Vĩnh Thủy đã tạo được những chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền, chất lượng phục vụ người dân và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số ở địa phương. Đây là nền tảng quan trọng để xã tiếp tục đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện trong thời gian tới, hướng tới xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá

- *Việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, nghị quyết của Trung ương, Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Trị, các kế hoạch hoạt động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số:*

Đảng ủy, HĐND, UBND xã đã ban hành các kế hoạch, chương trình hành động và văn bản chỉ đạo để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời lồng ghép các nhiệm

vụ này với chương trình cải cách hành chính, Đề án 06, phong trào “Bình dân học vụ số” và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Xã tập trung các nhiệm vụ trọng tâm như:

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước.

+ Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

+ Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06, phát triển dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử.

+ Hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng các nền tảng số như VNeID, ứng dụng Công dân số QUANGTRI-S và các dịch vụ số thiết yếu.

+ Phối hợp với lực lượng đoàn viên thanh niên trong hỗ trợ người dân tiếp cận công nghệ số.

+ Tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và phát triển kinh tế địa phương.

- Thực thi chính sách hỗ trợ cán bộ làm công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số;

Chưa thực hiện được do chưa có cán bộ, công chức có bằng cấp phù hợp.

- *Ban hành các chính sách, cơ chế tài chính phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số:*

UBND xã đã ưu tiên kinh phí cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cấp trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn, duy trì hoạt động của hệ thống thông tin, đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu và triển khai các nền tảng số dùng chung theo chỉ đạo của cấp trên. Việc sử dụng kinh phí được thực hiện đúng quy định, bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả.

Tuy nhiên, do điều kiện ngân sách địa phương còn hạn chế, xã chưa ban hành được các cơ chế, chính sách tài chính đặc thù riêng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; việc triển khai chủ yếu thực hiện theo các cơ chế, chính sách, hướng dẫn và nguồn kinh phí do Trung ương, tỉnh và cấp trên ban hành, phân bổ.

Trong thời gian tới, xã Vĩnh Thủy sẽ tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các giải pháp huy động nguồn lực xã hội hóa, sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí được giao; đồng thời ưu tiên đầu tư cho hạ tầng số, nâng cao năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức và người dân, góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW và chương trình chuyển đổi số trên địa bàn.

3. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ

- *Những kết quả nổi bật, đạt được theo các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra trong Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh:*

(Chi tiết các kết quả đạt được ở Phụ lục 02 kèm theo).

- *Đánh giá chung:* Qua quá trình triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trên địa bàn xã Vĩnh Thủy, có thể khẳng định rằng công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đã được triển khai nghiêm túc, đồng bộ và đạt được nhiều kết quả tích cực.

Các chỉ tiêu về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành; thực hiện dịch vụ công trực tuyến; phát triển định danh điện tử; số hóa hồ sơ, dữ liệu; triển khai các nhiệm vụ Đề án 06; phổ cập kỹ năng số cho người dân và xây dựng chính quyền số từng bước được thực hiện hiệu quả. Hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, lực lượng Công an, Đoàn Thanh niên và các tổ chức đoàn thể đã phát huy vai trò tích cực trong việc hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng các nền tảng số.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như nguồn lực đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế; trình độ, chưa có cán bộ công chức chuyên trách về công nghệ thông tin,...

Tuy nhiên, xét tổng thể, các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao cơ bản được triển khai đúng định hướng, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền, chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, thúc đẩy cải cách hành chính, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- *Kết quả triển khai công tác nghiên cứu khoa học, tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (kết quả đạt được, triển khai ứng dụng, nhân rộng và hiệu quả kinh tế - xã hội..):*

Kết quả triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã mang lại nhiều hiệu quả thiết thực, góp phần:

- + Nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền địa phương.
- + Thúc đẩy cải cách hành chính, giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho người dân.
- + Tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.
- + Nâng cao trình độ tiếp cận công nghệ, kỹ năng số của người dân.
- + Góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng chính quyền số, xã hội số và nông thôn mới trên địa bàn.

Tuy nhiên, công tác nghiên cứu khoa học và triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ tại xã vẫn còn gặp một số khó khăn như nguồn lực đầu tư còn hạn chế, chưa có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; việc ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống chưa đồng đều. Trong thời gian tới, xã Vĩnh Thủy sẽ tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới

sáng tạo và chuyển đổi số; tăng cường phối hợp với các cơ quan chuyên môn để triển khai các mô hình, giải pháp khoa học công nghệ có hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững tại địa phương.

- Tình hình phát triển và ứng dụng các công nghệ mới, tiên tiến...:

Người dân đã từng bước tiếp cận và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật như sử dụng giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao; áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất; sử dụng các thiết bị, công nghệ phục vụ tưới tiêu, chăm sóc cây trồng và phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Một số hộ dân đã chủ động tiếp cận mạng xã hội để quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm.

Tuy nhiên, việc phát triển và ứng dụng các công nghệ mới, tiên tiến trên địa bàn vẫn còn một số hạn chế như quy mô ứng dụng chưa lớn, nguồn lực đầu tư còn hạn chế; trình độ tiếp cận công nghệ của một bộ phận người dân còn thấp; chưa có nhiều mô hình ứng dụng công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo (AI), hay tự động hóa trong sản xuất và quản lý.

- Công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng:

Trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, xã chú trọng tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân quan tâm đến việc xây dựng, bảo vệ và phát triển thương hiệu, nhãn hiệu đối với các sản phẩm đặc trưng của địa phương; đồng thời hướng dẫn người dân thực hiện các quy định về quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đến nay, trên địa bàn chưa phát sinh các vụ việc vi phạm nghiêm trọng liên quan đến sở hữu trí tuệ.

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn cơ bản chấp hành các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng hàng hóa.

Tuy nhiên, do địa bàn chủ yếu là nông thôn, quy mô sản xuất, kinh doanh còn nhỏ lẻ nên việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm đặc trưng còn hạn chế; nhận thức của một số hộ sản xuất, kinh doanh về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm chưa thật sự đầy đủ.

Xã đã cử cán bộ, công chức tham gia tập huấn về sở hữu trí tuệ và đo lường năm 2026.

- Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Tình hình hỗ trợ người dân và doanh nghiệp đổi mới công nghệ, khởi nghiệp; phát triển và hình thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; mô hình khởi nghiệp thành công và khả năng nhân rộng:

Thực hiện chủ trương phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xã Vĩnh Thủy đã quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, các cơ sở sản xuất, kinh doanh tiếp cận các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ và khởi nghiệp.

Xã đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn, các tổ chức đoàn thể hướng dẫn người dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, phát triển kinh tế hộ gia đình; khuyến khích áp dụng các mô hình sản xuất an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm, từng bước gắn với chuyển đổi số và thương mại điện tử. Đồng thời, hỗ trợ người dân tiếp cận các chương trình đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, kỹ năng kinh doanh và các nguồn vốn ưu đãi để phát triển sản xuất.

Xã đã tổ chức 02 đoàn đi thăm quan và học tập mô hình chăn nuôi, kinh tế nông nghiệp, hữu cơ tuần hoàn tại Tập đoàn Quế Lâm.

5. Công tác Chuyển đổi số

5.1. Phát triển hạ tầng số

*- Hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông tại các cơ quan, đơn vị:
(Kèm theo Phụ lục 3)*

- Hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông phục vụ người dân và doanh nghiệp:

Hệ thống mạng viễn thông, Internet băng rộng cố định và mạng thông tin di động cơ bản phủ sóng trên địa bàn các thôn, đáp ứng nhu cầu liên lạc, truy cập Internet, học tập, làm việc và giao dịch trực tuyến của người dân và doanh nghiệp.

Tại trụ sở UBND xã, hệ thống mạng LAN, kết nối Internet tốc độ cao, mạng không dây (Wi-Fi), máy tính, máy in, máy quét (scanner), thiết bị ký số và các thiết bị công nghệ thông tin khác được trang bị để phục vụ công tác quản lý, điều hành, xử lý văn bản điện tử, số hóa hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường mạng. Các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh và của Trung ương được khai thác, sử dụng thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan.

Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương trong việc mở rộng hạ tầng cáp quang, nâng cao chất lượng vùng phủ sóng di động, hỗ trợ người dân sử dụng các dịch vụ số, cài đặt và khai thác các ứng dụng như VNeID, QUANGTRI-S, dịch vụ công trực tuyến và thanh toán điện tử.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông vẫn còn một số hạn chế như: chất lượng sóng di động và tốc độ truy cập Internet tại một số khu vực chưa thật sự ổn định; một số trang thiết bị công nghệ thông tin tại cấp xã đã sử dụng nhiều năm, cần được nâng cấp hoặc thay thế; nguồn lực đầu tư cho hạ tầng số còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chuyển đổi số trong giai đoạn mới.

- Khả năng tự đầu tư và các nguồn đầu tư khác để phát triển hạ tầng số:
Nguồn vốn có thể hạn chế. Khó triển khai các dự án quy mô lớn trong thời gian ngắn.

- *Đánh giá chung:* Hạ tầng viễn thông được đầu tư mở rộng, mạng cáp quang và mạng di động 4G đã phủ sóng trên hầu hết địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận các dịch vụ số. Hệ thống mạng nội bộ và kết nối Internet tại trụ sở xã cơ bản đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên môi trường điện tử; việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản, dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số được triển khai thường xuyên.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hạ tầng số của xã vẫn còn một số hạn chế. Chất lượng kết nối Internet ở một số khu vực chưa thực sự ổn định, tốc độ truy cập chưa đồng đều. Trang thiết bị công nghệ thông tin tại một số bộ phận còn thiếu hoặc đã xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ ngày càng cao. Nguồn lực đầu tư cho hạ tầng số còn hạn chế, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, trong khi việc huy động các nguồn lực xã hội hóa chưa nhiều.

5.2. Tình hình khai thác, sử dụng hệ thống thông tin, nền tảng số, phát triển dữ liệu và an toàn thông tin

- *Tình hình khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung; Tình hình khai thác, sử dụng hệ thống thông tin, nền tảng số tự phát triển:*

Các hệ thống thông tin và nền tảng số dùng chung do cấp trên triển khai được khai thác, sử dụng tương đối hiệu quả, phục vụ công tác quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính. Cán bộ, công chức xã thường xuyên sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, các phần mềm chuyên ngành và các nền tảng phục vụ họp trực tuyến, báo cáo, thống kê theo quy định.

- *Khả năng kết nối, tích hợp và nhu cầu các hệ thống thông tin, nền tảng số khác:*

Các hệ thống thông tin và nền tảng số đang được sử dụng tại xã Vĩnh Thủy cơ bản có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dùng chung của cấp trên theo quy định. Việc trao đổi văn bản điện tử, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng và khai thác các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được thực hiện thông qua các nền tảng do Trung ương và tỉnh triển khai, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính.

Tuy nhiên, khả năng kết nối, tích hợp giữa một số hệ thống vẫn còn hạn chế do dữ liệu chưa được chuẩn hóa đồng bộ, một số phần mềm chuyên ngành chưa liên thông hoàn toàn, dẫn đến việc cập nhật và khai thác thông tin còn thực hiện trên nhiều hệ thống khác nhau, gây mất thời gian và tăng khối lượng công việc cho cán bộ, công chức.

- *Tình hình phát triển, bổ sung và làm sạch dữ liệu các ngành, lĩnh vực bắt buộc theo quy định; phát triển các dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, điều hành, lưu trữ.. tại các cơ quan, đơn vị, địa phương:*

Trong thời gian qua, UBND xã Vĩnh Thủy đã tập trung chỉ đạo các bộ phận chuyên môn triển khai đồng bộ việc xây dựng, bổ sung, chuẩn hóa và làm sạch dữ

liệu trên các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định của Trung ương và của tỉnh, bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống" phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyển đổi số.

Tuy nhiên, việc phát triển và làm sạch dữ liệu vẫn còn một số khó khăn như: một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa được kết nối, chia sẻ đồng bộ; dữ liệu lịch sử còn thiếu hoặc chưa được số hóa đầy đủ; hạ tầng công nghệ thông tin và nguồn nhân lực phụ trách chuyển đổi số ở cấp xã còn hạn chế; việc cập nhật dữ liệu của một số lĩnh vực chưa được thực hiện thường xuyên.

- Tình hình thực hiện các giải pháp, phương án toàn thông tin, an ninh mạng:

UBND xã Vĩnh Thủy luôn xác định công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng là nhiệm vụ quan trọng, gắn liền với quá trình chuyển đổi số và xây dựng chính quyền số. Trong thời gian qua, xã đã triển khai nhiều giải pháp nhằm bảo vệ hệ thống thông tin, dữ liệu và các nền tảng số phục vụ công tác quản lý, điều hành.

Việc sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh và của Trung ương được thực hiện đúng quy định; cán bộ, công chức sử dụng tài khoản cá nhân để đăng nhập các hệ thống quản lý văn bản, dịch vụ công, thư điện tử công vụ và các phần mềm chuyên ngành; thực hiện đổi mật khẩu định kỳ, không chia sẻ tài khoản, góp phần nâng cao mức độ an toàn thông tin.

UBND xã đã quán triệt, tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, công chức về các quy định bảo đảm an toàn thông tin mạng; nâng cao nhận thức, kỹ năng nhận diện các nguy cơ mất an toàn thông tin như thư điện tử giả mạo, mã độc, lừa đảo trực tuyến, rò rỉ dữ liệu và các hình thức tấn công mạng phổ biến. Đồng thời, cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về an toàn thông tin do cấp trên tổ chức.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo đảm an toàn thông tin vẫn còn một số khó khăn như: hạ tầng công nghệ thông tin tại cấp xã còn hạn chế; chưa có cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin; kinh phí đầu tư cho các giải pháp bảo mật còn hạn chế; trình độ, kỹ năng về an toàn thông tin của một bộ phận cán bộ cần tiếp tục được nâng cao.

- Công tác phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin cho Hệ thống thông tin:

Hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ an toàn theo Quyết định số 9748/QĐ/CAT/PA05(Đ4) của Công an tỉnh Quảng Trị.

5.3. Tình hình phát triển kinh tế số, xã hội số

- Tình hình phối hợp với doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

STT	Nội dung	Năm 2025	Năm 2026 (Tính đến ngày 10/6/2026)	
			Chỉ tiêu	Kết quả
1	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa			
	- Tỷ lệ số hóa đầu vào	99,54%	100%	100%

	- Tỷ lệ số hóa đầu ra	96,78%	100%	96,72%
2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	89,38%	80%	98,27%
3	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	95,79%	Từ 70% trở lên	98,79%
4	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính giải quyết đúng, trước hạn	99,2%	Từ 98% trở lên	98,97%
5	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	100%	Từ 90% trở lên	100%
6	Tỷ lệ TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính	100%	80%	100%
7	Tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu đã số hóa	100%	Từ 80% trở lên	99,92%

- Tình hình thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh ứng dụng công nghệ số; thanh toán không dùng tiền mặt; Phát triển sản phẩm OCOP và thương mại điện tử; triển khai Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng nền tảng số....:

UBND xã Vĩnh Thủy đã quan tâm chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế số gắn với chuyển đổi số, từng bước tạo điều kiện để người dân, hộ sản xuất, hợp tác xã và các cơ sở kinh doanh ứng dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất, kinh doanh

- Triển khai các dịch vụ số hỗ trợ người dân, doanh nghiệp:

Xã đã phối hợp với lực lượng CBCCVC, Công an, Đoàn Thanh niên, và các thôn tổ chức 02 đợt tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng số như VNeID, QUANGTRI-S, dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích số khác. Đồng thời hỗ trợ người dân kích hoạt tài khoản định danh điện tử, tích hợp thẻ bảo hiểm y tế, sổ sức khỏe điện tử, tài khoản hưởng ASXH, giấy phép lái xe, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ khác trên VNeID theo quy định.

6. Về phát triển nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Chính sách thu hút, bồi dưỡng, đãi ngộ, trọng dụng nhân lực chất lượng cao về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

Trong thời gian qua, xã đã tạo điều kiện để cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số, an toàn thông tin, sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, khai thác cơ sở dữ liệu và triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06 do các cấp tổ chức. Sau đào tạo, đội ngũ cán bộ, công chức từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng số và khả năng ứng dụng công nghệ trong thực hiện nhiệm vụ.

- Tình hình công tác bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng số đã được triển khai; Phong trào "Bình dân học vụ số"; Thành lập, tổ chức các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng:

Đã xây dựng kế hoạch triển khai phong trào “ Bình dân học vụ số”;
Thành lập được 20 tổ công nghệ số số cộng đồng tại các thôn trên địa bàn.

7. Về tài chính, kinh phí cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tình hình sử dụng nguồn ngân sách cấp trên cấp:

Nguồn kinh phí được ưu tiên sử dụng cho các nhiệm vụ như: đầu tư, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin; tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cán bộ, công chức và người dân; triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06 và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động của cơ quan.

- Nguồn ngân sách các cơ quan, đơn vị cân đối cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

Nguồn kinh phí được ưu tiên sử dụng cho các hoạt động như: đầu tư, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin; duy trì hệ thống mạng nội bộ, đường truyền Internet; bảo đảm an toàn thông tin mạng; tổ chức tuyên truyền, tập huấn nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức và người dân; hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06 và cải cách hành chính.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Sau 01 năm triển khai thực hiện Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh, công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Vĩnh Thủy đã đạt được nhiều kết quả tích cực, tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị.

Nhận thức của cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngày càng được nâng cao. Việc ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến được tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Các nhiệm vụ chuyển đổi số gắn với thực hiện Đề án 06 được triển khai tích cực; việc sử dụng các nền tảng số, chữ ký số, hệ thống quản lý văn bản điện tử, số hóa hồ sơ và khai thác cơ sở dữ liệu từng bước đi vào nền nếp.

Công tác phát triển xã hội số và kinh tế số từng bước được quan tâm; nhiều hộ kinh doanh đã áp dụng thanh toán điện tử, sử dụng mã QR trong giao dịch; người dân ngày càng chủ động tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số. Công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng được chú trọng; hạ tầng công nghệ thông tin từng bước được củng cố, đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

Nhìn chung, việc triển khai Kế hoạch số 635/KH-UBND đã tạo nền tảng quan trọng để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Vĩnh Thủy, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý

nhà nước, cải cách hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Tồn tại, hạn chế, bất cập và nguyên nhân

- Việc ứng dụng các nền tảng số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh còn ở mức ban đầu; thương mại điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt chưa phát triển mạnh.

- Tỷ lệ người dân sử dụng thường xuyên dịch vụ công trực tuyến, các tiện ích trên VNeID và các ứng dụng số của xã chưa cao; nhiều trường hợp vẫn có thói quen thực hiện thủ tục trực tiếp.

- Hạ tầng công nghệ thông tin và trang thiết bị tại cấp xã từng bước được đầu tư nhưng chưa đồng bộ; một số thiết bị đã qua thời gian sử dụng, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Nguồn lực tài chính dành cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn chế, chủ yếu được lồng ghép trong kinh phí hoạt động thường xuyên nên chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư và phát triển.

- Chưa có CBCC chuyên môn sâu về công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

- Nhận thức và kỹ năng số của một bộ phận người dân chưa theo kịp yêu cầu của quá trình chuyển đổi số; tâm lý e ngại khi sử dụng các dịch vụ số vẫn còn phổ biến.

- Điều kiện kinh tế của địa phương còn khó khăn, nguồn ngân sách cấp xã hạn chế, chưa đủ để đầu tư đồng bộ hạ tầng số, trang thiết bị và các giải pháp công nghệ hiện đại.

- Chính sách thu hút, đãi ngộ nhân lực chất lượng cao về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; việc bố trí cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin còn gặp nhiều khó khăn.

Trong thời gian tới, UBND xã Vĩnh Thủy sẽ tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên; tiếp tục nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cán bộ và Nhân dân; ưu tiên bố trí nguồn lực trong khả năng của địa phương, tăng cường phối hợp với các cơ quan cấp trên và doanh nghiệp công nghệ để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo; quán triệt sâu sắc các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cả hệ thống chính trị.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến và nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và Nhân dân; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, lực lượng Công an, Đoàn Thanh niên và

các tổ chức chính trị - xã hội trong hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng các nền tảng số.

- Tiếp tục xây dựng chính quyền số, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành.

- Triển khai hiệu quả Đề án 06, tập trung làm sạch, cập nhật và khai thác các cơ sở dữ liệu; đẩy mạnh sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID và các tiện ích số; hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng ứng dụng QUANGTRI-S và các nền tảng số của tỉnh.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt; hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ sản phẩm trên các nền tảng số và sàn thương mại điện tử.

- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tạo điều kiện để cán bộ, công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ số trong thực thi công vụ.

Tăng cường đầu tư, nâng cấp hạ tầng số và bảo đảm an toàn thông tin mạng; sử dụng hiệu quả các nguồn lực được giao, chủ động lồng ghép các chương trình, dự án để từng bước hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của địa phương.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, kịp thời đánh giá kết quả thực hiện, nhân rộng các mô hình, sáng kiến hiệu quả; đồng thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu theo Kế hoạch số 635/KH-UBND và Nghị quyết số 57-NQ/TW.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Đề nghị UBND tỉnh và các sở, ngành tiếp tục quan tâm bố trí nguồn kinh phí cho các địa phương để đầu tư, nâng cấp hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin, đường truyền mạng và các nền tảng phục vụ chuyển đổi số tại cấp xã.

- Tăng cường tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, an toàn thông tin và quản trị dữ liệu cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; đồng thời có cơ chế hỗ trợ đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt về chuyển đổi số ở cơ sở.

- Hướng dẫn chuyên môn, hỗ trợ kỹ thuật, kiểm tra và tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tại cấp xã.

Với quyết tâm chính trị cao, sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của Nhân dân, UBND xã Vĩnh Thủy phấn đấu thực hiện hiệu quả

các mục tiêu về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần xây dựng chính quyền số hiện đại, phát triển kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững trên địa bàn./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN(B/c);
- TT Đảng uỷ, HĐND, UBNDTTQ Việt Nam xã(B/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- Các phòng chuyên môn, trung tâm thuộc xã;
- Lưu: VT, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Nam Sơn

PHỤ LỤC 02

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU ĐỀ RA THEO KẾ HOẠCH SỐ 635/KH-UBND

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /6/2026 của UBND xã)

TT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả năm 2025	Kết quả đến 15/6/2026	Ghi chú (Đơn vị báo cáo)
I	Phát triển hạ tầng				
1.	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	%			Sở KHCN
2.	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01Gb/s	%			Sở KHCN
II	Phát triển nguồn lực				
3.	Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	%			Sở Tài chính, Sở KHCN
4.	Tỷ lệ cán bộ, công chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản	%			Sở Nội vụ, Sở KHCN
5.	Tỷ lệ cán bộ, công công, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	80%	100%	Các sở, ban ngành, địa phương
6.	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, giao thông; tiếp cận các nguồn thông tin chính thống qua các nền tảng mạng xã hội	%	100%	100%	Các sở, ban ngành, địa phương
7.	Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân	Người	0	0	Các sở, ban ngành, địa phương
III	Phát triển khoa học, công nghệ				
8.	Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn	Doanh nghiệp			Sở KHCN
9.	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập	Tổ chức			Sở KHCN

10.	Số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện	Nhiệm vụ			
11.	Số lượng cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Cán bộ	0	0	Các sở, ban ngành, địa phương
12.	Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu	%			Sở KH-CN
13.	Số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ	Đơn			Sở KH-CN
14.	Số lượng doanh nghiệp sử dụng, ứng dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất, kinh doanh	Doanh nghiệp	0	0	Các sở, ban ngành, địa phương
15.	Số lượng ứng dụng AI, IoT, Big Data.. trong quản lý, phục vụ người dân	ứng dụng	2	8	Các sở, ban ngành, địa phương
IV	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo				
16.	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Doanh nghiệp			Sở KH-CN
17.	Số lượng vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo	Vườn ươm			Sở KH-CN
18.	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh	Doanh nghiệp			Sở KH-CN
19.	Số lượng sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa	Sản phẩm			Sở KH-CN
20.	Số lượng dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	Dự án			Sở KH-CN
21.	Số lượng bài báo khoa học liên quan đến đổi mới sáng tạo	Bài báo			Sở KH-CN
22.	Số lượng sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh được công nhận	Sáng kiến			Sở KH-CN
V	Phát triển chuyên đổi số				
23.	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa Trung ương, địa phương, giữa các cấp chính quyền	%			Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PV HCC tỉnh)

24.	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được trực tuyến	%			Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PV HCC tỉnh)
25.	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	%			Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PV HCC tỉnh)
26.	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa				Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PV HCC tỉnh)
27.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%			Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PV HCC tỉnh)
28.	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%			Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PV HCC tỉnh)
29.	Tỷ lệ hệ thống thông tin được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	%	0	0	Các sở, ban ngành, địa phương
30.	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu được số hóa và liên thông	%	98	99.98%	Các sở, ban ngành, địa phương
31.	Tỷ lệ dữ liệu được tích hợp với hợp với trực liên thông dữ liệu tỉnh	%	100	100	Các sở, ban ngành, địa phương
32.	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số	%			Sở Tài chính
33.	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VneID)	%			Công an tỉnh
34.	Tỷ lệ các cơ quan đơn vị, địa phương trực thuộc UBND tỉnh sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	%			Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Điều hành thông tin)
35.	Tỷ lệ Kinh tế số đạt được trên tổng số GRDP	%			Sở Tài chính

PHỤ LỤC 3
BÁO CÁO KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG VÀ TỔNG HỢP NHU CẦU TRANG BỊ,
NÂNG CẤP HẠ TẦNG CNTT GIAI ĐOẠN 2026-2028 XÃ VĨNH THUY

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /6/2026 của UBND xã)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ quan, địa phương: UBND xã Vĩnh Thủy
2. Cán bộ đầu mối cung cấp thông tin, số liệu:
 - Họ và tên: Võ Thế Hưng
 - Chức vụ/chức danh: Chuyên viên
 - Số điện thoại: 0914506668

B. HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG CNTT

Stt	Tên Cơ quan	Số Cán bộ công chức/ viên chức	MÁY TÍNH (Bao gồm máy tính để bàn và máy tính xách tay)			MÁY QUÉT			MÁY IN			ĐƯỜNG TRUYỀN		
			Số lượng máy vi tính đã trang cấp và đang sử dụng	Số lượng đáp ứng	Số lượng không đáp ứng	Số lượng máy quét đã trang cấp và đang sử dụng	Số lượng đáp ứng	Số lượng không đáp ứng	Số lượng máy in đã trang cấp và đang sử dụng	Số lượng đáp ứng	Số lượng không đáp ứng	Số lượng đường truyền đã trang cấp và đang sử dụng	Số lượng đáp ứng	Số lượng không đáp ứng
		(người)	(bộ)	(bộ)	(bộ)	(bộ)	(bộ)	(bộ)	(bộ)	(bộ)	(bộ)	(điểm)	(điểm)	(điểm)
1	UBND xã Vĩnh Thủy	37	37	16	21	7	7	0	22	9	13	1	1	0

(Số máy được khảo sát: Lãnh đạo UBND xã: 3 máy; VP HĐND & UBND: 9 máy; Phòng Kinh tế: 8 máy; Phòng VH-XH: 7 máy; Trung tâm PV HCC: 6 máy; Trung tâm Dịch vụ tổng hợp); 04 máy)

C. ĐỀ XUẤT HẠNG MỤC THIẾT BỊ ƯU TIÊN CẦN TRANG BỊ VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá hiện trạng tại Mục B, UBND xã Vĩnh Thủy tổng hợp nhu cầu đầu tư, nâng cấp các hạng mục cấp thiết nhất để đảm bảo yêu cầu công việc trong giai đoạn 2026-2028.

Stt	Tên Cơ quan	Số lượng Máy tính để bàn đề xuất (bộ)	Số lượng máy tính xách tay đề xuất (bộ)	Số lượng máy quét (scanner) đề xuất (bộ)	Số lượng máy in đề xuất (bộ)	Số lượng hệ điều hành windows có bản quyền đề xuất (bộ)	Số lượng phần mềm soạn thảo văn bản microsoft office có bản quyền đề xuất (bộ)	Số lượng đường truyền đề xuất (điểm)	Dự kiến kinh phí thực hiện (VNĐ)	Ghi chú
1	UBND xã Vĩnh Thủy	10	8	5	12	33	33	02	650 triệu	